

Số: 3600/QĐ-UBND

Ninh Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn,  
huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa XIV và Luật QH số 35/2018/QH 14 ngày 29/11/2018 Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 14/09/2023 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Sơn về việc Thông qua đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ công văn số 4332/SXD-QLQHKT&NO' ngày 21/11/2024 của Sở Xây dựng về việc ý kiến Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ công văn số 5835/STNMT-ĐĐ ngày 21/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ công văn số 4837/SNNPTNT-QLCN ngày 03/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ý kiến Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Thông báo số 551/TB-VPUB ngày 31/10/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về Kết luận của đồng chí Kiều Tấn Thịnh – Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp góp ý nội dung Đồ án quy hoạch chung xã Quảng Sơn và Mỹ Sơn;*

*Theo Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 11/12/2024 của UBND xã Quảng Sơn Báo cáo giải trình và tiếp thu ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo số 243/BC-UBND ngày*

01/11/2023 của UBND xã Quảng Sơn Báo cáo về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nội dung Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Theo đề nghị của UBND xã Quảng Sơn tại Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 20/12/2024 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Báo cáo thẩm định số 248/BCTĐ-KTHT ngày 27/12/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với các nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

**2. Địa điểm lập quy hoạch:** xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn.

**4. Cơ quan thẩm định:** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ninh Sơn.

**5. Cơ quan phê duyệt:** Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

**6. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Công ty TNHH Quản lý xây dựng và Đô thị miền Nam;

**7. Nguồn vốn thực hiện:** Ngân sách nhà nước;

**8. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:**

- Phạm vi lập quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Quảng Sơn: 8.127,25 ha; bao gồm 9 thôn: La Vang 1, La Vang 2, Hạnh Trí 1, Hạnh Trí 2, Triệu Phong 1, Triệu Phong 2, Thạch Hà 1, Thạch Hà 2 và Lương Giang. Ranh giới tiếp giáp của xã Quảng Sơn được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp: xã Mỹ Sơn (huyện Ninh Sơn) và huyện Bác Ái;

+ Phía Tây giáp: huyện Đơn Dương (tỉnh Lâm Đồng);

+ Phía Nam giáp: xã Hoà Sơn (huyện Ninh Sơn);

+ Phía Bắc giáp: thị trấn Tân Sơn, xã Lâm Sơn và xã Lương Sơn (huyện Ninh Sơn).

**9. Mục tiêu quy hoạch, tính chất của xã:**

**9.1. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành cấp trên có liên quan.

- Xây dựng định hướng phát triển không gian trên địa bàn xã đến năm 2035, hướng đến mục tiêu giữ vững chuẩn nông thôn mới, tạo tiền đề đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Mục đích nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đồng thời phải phù hợp với đặc điểm, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư địa phương.

- Làm căn cứ pháp lý cho công tác quản lý đất đai, quản lý xây dựng; lập các đồ án quy hoạch cấp dưới như quy hoạch chi tiết trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn; tạo tiền đề cho công tác kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn xã.

## **9.2. Tính chất:**

Dựa trên các định hướng từ Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận và Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, xã Quảng Sơn thuộc Vùng phát triển phía Tây của tỉnh và thuộc Tiểu vùng kinh tế trung tâm của huyện:

- Xã Quảng Sơn nằm tiếp giáp với thị trấn Tân Sơn, là khu vực đô thị hóa cao, cần được khớp nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với thị trấn và khuyến khích đầu tư đồng bộ theo các tiêu chí của đô thị.

- Xã Quảng Sơn có cả 2 hành lang kinh tế Bắc Nam và Đông Tây đi qua. Là vùng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng; nông nghiệp công nghệ cao, vùng phát triển lâm nghiệp và trồng cây dược liệu dưới tán rừng, là trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của huyện. Bên cạnh đó còn là vùng phát triển du lịch trải nghiệm, khai thác nguồn nước khoáng; mô hình trang trại nhà vườn hợp du lịch cộng đồng và du lịch dưới tán rừng.

Động lực phát triển kinh tế:

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Nông nghiệp và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.
- Các loại hình du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

## **10. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động**

- Dân số năm 2022 của xã Quảng Sơn: 13.442 người.

- Dự báo quy mô dân số:

+ Dự báo quy mô dân số xã đến năm 2030: khoảng 19.400 người.

- + Dự báo quy mô dân số xã đến năm 2035: khoảng 21.350 người.
- Dự báo quy mô dân số lao động:
  - + Đến năm 2030 khoảng 14.000 lao động.
  - + Đến năm 2035 khoảng 15.700 lao động.

## 11. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

**Bảng 1. Thống kê các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật**

Stt	Loại chỉ tiêu	Đề án đạt được	NVQH được duyệt (Tối thiểu)	QCVN 01:2021/BXD (Tối thiểu)
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất (<math>m^2/người</math>)</b>			
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	213,95	25	25
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	8,83	5	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	156,35	5	5
4	Cây xanh công cộng	8,40	4	2
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>			
1	Cấp nước sinh hoạt ( $lít/người/ngày$ )	100	$\geq 80$	$\geq 80$
2	Thoát nước thải ( $lượng nước cấp$ )	80%	$\geq 80\%$	$\geq 80\%$
3	Cấp điện sinh hoạt ( $W/người/ngày$ )	260	$\geq 150$	
4	CTR sinh hoạt ( $kg/người/ngày$ )	0,8	0,8	

*Chú thích: không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.*

## 12. Quy hoạch định hướng phát triển không gian xã:

### 12.1. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất:

#### a) Nông nghiệp:

Căn cứ theo Đề án định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 huyện Ninh Sơn, trên địa bàn xã Quảng Sơn có 5 vùng trồng trọt tập trung và 6 vùng chăn nuôi tập trung. Cụ thể như sau:

**Bảng 2. Thống kê các vùng trồng trọt tập trung**

Stt	Tên vùng	Diện tích (ha)
1	Vùng trồng mía ứng dụng công nghệ cao	273
2	Vùng trồng tập trung cây mía	63
3	Vùng trồng tập trung cây mỳ	1.238
4	Vùng trồng bắp luân canh với cây đậu	1.018
5	Sản xuất tập trung cây ăn quả	129

**Bảng 3. Thống kê các vùng chăn nuôi tập trung**

Stt	Địa điểm	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Vùng 1, Suối Mây 1 thôn Thạch Hà (TT Lộc Phát 1, 2; TT 3H Pig Gold 15,08 ha)	100	thôn Thạch Hà 2	Đã đi vào hoạt động 02 trại. Riêng Dự án 3H Pig Gold UBND huyện có văn bản thống nhất số 1316/UBND-NN ngày 11/5/2022
2	Vùng 2, Suối Mây 1 thôn Thạch Hà (02 TT Phú Lộc Phát)	120	thôn Thạch Hà	Đã đi vào hoạt động
3	Vùng 3, sông Dầu 1, thôn Triệu Phong 2 (TT Phú Danh 12,2 ha)	21,32	thôn Triệu Phong 2	UBND huyện đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 3036/UBND-NN ngày 31/8/2021
4	Vùng 4, sông Dầu 2, thôn Triệu Phong 1 (TT vệt Trang)	42,56	thôn Triệu Phong 1	Trang trại đã đi vào hoạt động
5	Vùng 5, sông Dầu 2, thôn Thạch Hà 1 (TT Thái Hoàng)	33,90	thôn Thạch Hà 1	Trang trại đã đi vào hoạt động, DT cũ 39,39ha giảm do cắt phần diện tích chồng lấn quy hoạch đất giao thông
6	Vùng 6, đất Hạnh Tân, thôn Hạnh Trí 2 (06 trang trại quy mô nhỏ, hộ gia đình nuôi gia công)	20,0	Thôn Hạnh Trí 2	Đã có trang trại hoạt động trước khi có Luật chăn nuôi

**a) Lâm nghiệp:**

- Tiếp tục tập trung các nguồn lực để bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng mới rừng, đặc biệt là khu vực rừng phòng hộ.

- Kết hợp hài hòa giữa bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng một cách hợp lý, chú trọng tới công tác quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

- Khuyến khích trồng rừng theo mô hình nông – lâm kết hợp và trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

**b) Các khu chức năng phục vụ sản xuất:**

- Sân phơi nông sản: được cập nhật theo nhu cầu của địa phương, nằm tiếp giáp với QL.27, tại khu vực thôn Hạnh Trí 2, quy mô: 1,24 ha.

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: định hướng bố trí kết hợp với sân phơi nông sản và trung tâm chế biến, bảo quản và hỗ trợ sản xuất nông lâm sản Ninh Sơn. Dựa trên cơ sở xem xét bối cảnh địa phương và căn cứ theo

văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/06/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 – 2025:

+ Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

+ Đảm bảo thuộc khu vực đầu mối giao thông chính của xã nhằm kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi.

+ Các chức năng khác của khu chức năng có thể sử dụng phân tán, lồng ghép trong các khu vực khác như: cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại – du lịch, trung tâm hành chính xã, ....

- Trung tâm chế biến, bảo quản và hỗ trợ sản xuất nông lâm sản Ninh Sơn:

+ Vị trí, quy mô: nằm cạnh cụm công nghiệp Quảng Sơn, gần với khu vực nút giao đường tránh QL27 kết nối Đà Lạt - Phan Rang Tháp Chàm. Quy mô dự kiến 50 - 60ha.

+ Tính chất: Là trung tâm chế biến và bảo quản và hỗ trợ sản xuất nông lâm sản theo mô hình tuần hoàn cho các vùng sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện Ninh Sơn, các huyện trong tỉnh Ninh Thuận và các địa phương lân cận.

- Tăng cường năng lực vận chuyển của hệ thống giao thông, đảm bảo liên kết thuận tiện giao thương như: ĐT.707D, ĐT.709D, ĐH.38, đường Tân Hiệp – Tân Sơn và các đường nội đồng khác.

#### **d) Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:**

- Cụm công nghiệp Quảng Sơn:

+ Vị trí: nằm dọc theo hai bên QL.27, cách khu trung tâm xã Quảng Sơn khoảng 3km về phía Nam.

+ Quy mô đến năm 2030: 50,28 ha. Sau năm 2030: 75 ha.

+ Định hướng tổ chức không gian: tuân thủ theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cụm công nghiệp Quảng Sơn, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đã được phê duyệt tại quyết định số 369a/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Công nghiệp năng lượng, khai thác khoáng sản - vật liệu xây dựng:

+ Thủy điện: phân bố dọc theo sông Cái và sông Ông.

+ Khai thác khoáng sản – vật liệu xây dựng: tổ chức hợp lý giữa khu vực sản xuất, vận hành và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn môi trường và đảm bảo hành lang cách ly an toàn với khu dân cư, phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất và hài hòa với cảnh quan xung quanh.

## **12.2. Định hướng tổ chức hệ thống điểm dân cư:**

Bao gồm 9 điểm dân cư tập trung, trong đó có 7 điểm dân cư hiện hữu chính trang và 2 điểm dân cư xây dựng mới. Ranh giới, quy mô từng điểm dân cư mang tính đề xuất, định hướng; sẽ được khảo sát, nghiên cứu và triển khai nhằm phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

### **a) Các điểm dân cư hiện hữu chính trang và định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

*\* Các điểm dân cư số 1 đến số 7:*

- Khu trung tâm xã (điểm dân cư số 1):

Vị trí:

+ Nằm tại khu vực thôn La Vang 1 và 2.

+ Ranh giới tứ cận cụ thể như sau: phía Đông giáp đường D10, phía Tây giáp quốc lộ 27, phía Nam giáp đường huyện 33, phía Bắc giáp đường N2.

Quy mô diện tích: 71,59 ha. Quy mô dân số: 2.800 người.

Tính chất:

+ Là trung tâm văn hóa, chính trị và thương mại dịch vụ hỗn hợp của xã.

+ Là khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp phát triển mới, mật độ cao, được quy hoạch theo hướng chính trang, đồng bộ về kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Điểm dân cư số 2:

+ Vị trí: nằm tại khu vực thôn Thạch Hà 1 và Thạch Hà 2. Tứ cận tiếp giáp được xác định như sau: phía Đông giáp quốc lộ 27, phía Tây giáp đường D1, phía Nam giáp đường huyện 33, phía Bắc giáp đường N2.

+ Quy mô diện tích: 86,01 ha. Quy mô dân số: 3.300 người.

- Điểm dân cư số 3:

+ Vị trí: nằm tại khu vực thôn Hạnh Trí 1. Tứ cận tiếp giáp được xác định như sau: phía Đông giáp đường Lê Lợi, phía Tây giáp quốc lộ 27, phía Nam giáp đường N40, phía Bắc giáp đường huyện 33.

+ Quy mô diện tích: 52,03 ha. Quy mô dân số: 2.300 người.

- Điểm dân cư số 4:

+ Vị trí: nằm tại khu vực thôn Triệu Phong 2. Tứ cận tiếp giáp được xác định



như sau: phía Đông giáp quốc lộ 27, phía Tây giáp đường D1, phía Nam giáp đường N40, phía Bắc giáp đường huyện 33.

+ Quy mô diện tích: 63,45 ha. Quy mô dân số: 2.600 người.

- Điểm dân cư số 5:

+ Vị trí: nằm tại khu vực thôn Hạnh Trí 2. Tứ cận tiếp giáp được xác định như sau: phía Đông và phía Nam giáp đường Lê Lợi, phía Tây giáp quốc lộ 27, phía Bắc giáp đường N40.

+ Quy mô diện tích: 69,71 ha. Quy mô dân số: 2.700 người.

- Điểm dân cư số 6:

+ Vị trí: nằm tại khu vực thôn Triệu Phong 1, tứ cận tiếp giáp được xác định như sau: phía Đông giáp quốc lộ 27, phía Tây giáp đất nông nghiệp và sông Than, phía Nam và phía Bắc giáp đất nông nghiệp.

+ Quy mô diện tích: 78,43 ha. Quy mô dân số: 3.800 người.

- Điểm dân cư số 7:

+ Vị trí: nằm tại khu vực thôn Lương Giang, tứ cận tiếp giáp được xác định như sau: phía Đông giáp quốc lộ 27, phía Tây giáp đất nông nghiệp và sông Than, phía Nam và phía Bắc giáp đất nông nghiệp.

+ Quy mô diện tích: 13,24 ha. Quy mô dân số: 350 người.

*\* Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:*

- Khi cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu cần hạn chế tối đa việc phá vỡ cấu trúc dân cư hiện có, đồng thời phải tạo dựng được không gian sống, môi trường đảm bảo theo các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

- Nhà ở dọc theo QL.27 và các trục đường chính trong khu dân cư hiện hữu khi chỉnh trang phải tuân thủ quy định về tầng cao, chiều cao từng tầng, hình thức kiến trúc, khoảng lùi, màu sắc (sẽ được quy định cụ thể trong các đề án cấp dưới) ... nhằm tạo sự đồng bộ trên toàn tuyến, kiến thiết bộ mặt xã khang trang. Khuyến khích kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ, tạo không gian sinh động cho trục đường.

- Công trình công cộng (hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, dịch vụ công cộng khác): tầng cao tối đa 3 tầng, MĐXD tối đa 40%. Kế thừa hình thức kiến trúc hiện hữu, hiện đại, sử dụng màu sắc tươi sáng làm chủ đạo cho công trình. Khuyến khích dành khoảng lùi lớn để bố trí vườn hoa, hồ nước, không gian hội họp tạo cảnh quan xanh, sinh động cho khu vực.

- Công trình thương mại dịch vụ: hình thức kiến trúc hiện đại hoặc kế thừa kiến trúc truyền thống. Sử dụng màu sắc tươi sáng làm chủ đạo kết hợp với những gam màu đậm tạo điểm nhấn. Khuyến khích dành khoảng lùi lớn để bố trí vườn hoa, hồ nước, không gian hội họp tạo cảnh quan xanh, sinh động cho khu vực. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD.

- Công trình tôn giáo, tín ngưỡng: kế thừa hiện trạng, đối với các công trình xây mới dựa theo văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo.

- Đảm bảo khoảng cách tối thiểu của hành lang bảo vệ nguồn nước.

**b) Các điểm dân cư hiện hữu chỉnh trang và định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

*\* Các điểm dân cư số 8 và số 9:*

- Vị trí: nằm tại khu vực phía Tây đường tỉnh 709D, tứ cận tiếp giáp được xác định như sau: phía Đông giáp đường tỉnh 709D, phía Tây giáp TT.Tân Sơn, phía Nam và phía Bắc giáp đất nông nghiệp.

- Quy mô diện tích:

+ Điểm dân cư số 8: 49,39 ha.

+ Điểm dân cư số 9: 39,09 ha.

- Quy mô dân số:

+ Điểm dân cư số 8: 1.600 người.

+ Điểm dân cư số 9: 1.500 người.

*\* Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:*

- Đây là khu vực được đầu tư xây dựng mới đồng bộ về nhà ở, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Các đề án cấp dưới cần:

+ Quy hoạch sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, có sự liên kết với khu vực dân cư hiện hữu và khu vực thị trấn Tân Sơn.

+ Khuyến khích phát triển theo mô hình đơn vị ở kiểu mẫu, khu dân cư xanh. Đảm bảo khoảng cách tối thiểu của hành lang bảo vệ nguồn nước.

+ Đặc biệt chú ý khai thác hiệu quả quỹ đất hai bên tuyến ĐT.709D (đường Anh Dũng).

- Do khu vực này nằm liền kề thị trấn Tân Sơn, dự kiến sẽ có tốc độ đô thị hóa cao. Vì vậy, nhằm chuẩn bị cho các giai đoạn phát triển của thị trấn Tân Sơn và vùng

phụ cận trong tương lai, yêu cầu các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các đồ án cấp dưới tối thiểu phải đạt tiêu chuẩn của đô thị loại IV được quy định trong QCVN 01:2021/BXD.

- Nhà ở trên các tuyến đường phải tuân thủ quy định về tầng cao, chiều cao từng tầng, hình thức kiến trúc, khoảng lùi, màu sắc (sẽ được quy định cụ thể trong các đồ án cấp dưới)... nhằm tạo sự đồng bộ trên toàn tuyến, kiến thiết bộ mặt xã khang trang. Khuyến khích kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ, tạo không gian sinh động cho trục đường.

- Công trình công cộng (hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, dịch vụ công cộng khác,...): đề xuất tầng cao tối đa 3 tầng, MĐXD tối đa 40%. Hình thức kiến trúc hiện đại, sử dụng màu sắc tươi sáng làm chủ đạo cho công trình. Khuyến khích dành khoảng lùi lớn để bố trí vườn hoa, hồ nước, không gian hội họp tạo cảnh quan xanh, sinh động cho khu vực.

- Công trình thương mại dịch vụ: hình thức kiến trúc hiện đại hoặc kế thừa kiến trúc truyền thống. Sử dụng màu sắc tươi sáng làm chủ đạo kết hợp với những gam màu đậm tạo điểm nhấn. Khuyến khích dành khoảng lùi lớn để bố trí vườn hoa, hồ nước, không gian hội họp tạo cảnh quan xanh, sinh động cho khu vực. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác tuân thủ theo QCVN 01:2021/BXD.

- Công trình tôn giáo, tín ngưỡng: đối với các công trình xây mới (nếu có) dựa theo văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo.

- Khuyến khích bố trí công trình điểm nhấn (công trình thương mại dịch vụ/ công viên cây xanh/...) tại các vị trí cửa ngõ, trục cảnh quan chính.

- Khuyến khích bố trí các công viên, mảng cây xanh, vườn hoa nhỏ, sân thể thao, sân chơi công cộng có bán kính phục vụ phù hợp trong nội khu, nâng cao chất lượng sống của người dân.

### **12.3. Định hướng tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội**

- Phần lớn các công trình hiện đã đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và phục vụ cho người dân, đồng thời cũng đảm bảo so với tiêu chuẩn về diện tích tối thiểu của QCVN:01/2021. Vậy nên trong giai đoạn từ nay đến năm 2035, phần lớn các công trình vẫn giữ nguyên vị trí hiện trạng, diện tích có sự thay đổi nhẹ do bị ảnh hưởng từ công tác mở rộng lộ giới các đường giao thông hiện hữu.

- Định hướng kiến trúc: kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ phù hợp với sự phát triển của xã, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

**Bảng 4. Tổng hợp hệ thống hạ tầng xã hội đến năm 2035**

Stt	Công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )			Ghi chú
		Hiện trạng	Tối thiểu	Quy hoạch	
<b>A</b>	<b>Cơ quan, trụ sở</b>	<b>7.181</b>	<b>2.000</b>	<b>34.285</b>	
1	Trụ sở HĐND – UBND xã	6.047	1.000	5.538	Tiếp tục sử dụng
2	Trụ sở Công an xã	1.134	1.000	1.134	
3	Đất an ninh quốc phòng	0	-	27.612	Đang xây dựng mới
<b>B</b>	<b>Trạm y tế xã</b>	<b>3.620</b>	<b>1.000</b>	<b>3.328</b>	Tiếp tục sử dụng
<b>C</b>	<b>Giáo dục</b>	<b>150.611</b>	<b>46.954</b>	<b>149.349</b>	
1	Trường mầm non	14.543	12.804	13.737	
1.1	MN Sơn Ca	5.079	-	4.273	Tiếp tục sử dụng
1.2	MN Linh Đan	537	-	537	
1.3	MN Ánh Dương	1.600	-	1.600	
1.4	MN Hoa Mai	5.190	-	5.190	
1.5	Điểm thôn Lương Giang	2.137	-	2.137	
2	Trường tiểu học	48.944	13.870	53.449	
2.1	TH Quảng Sơn	9.273	-	9.226	Ngừng hoạt động, sáp nhập với TH Quảng Sơn A
2.2	TH Quảng Sơn A	6.764	-	11.675	Mở rộng
2.3	TH Quảng Sơn B	15.515	-	15.156	Tiếp tục sử dụng
2.4	TH Quảng Sơn C	8.368	-	8.368	
2.5	Điểm thôn Lương Giang	9.024	-	9.024	
3	Trường THCS Quang Trung	37.756	11.740	37.756	
4	Trường THPT Nguyễn Du	49.368	8.540	44.407	
<b>D</b>	<b>Văn hóa</b>	<b>36.122</b>	<b>9.600</b>	<b>34.300</b>	
1	Trung tâm văn hóa – thể thao xã	11.000	6.900	11.000	Tiếp tục sử dụng
2	Cơ sở bảo trợ Trần Châu	11.799	-	11.799	
3	Trụ sở thôn	13.323	2.700	11.501	
<b>E</b>	<b>Công viên cây xanh – sân thể thao</b>	<b>26.776</b>	<b>85.400</b>	<b>179.396</b>	
1	Trung tâm xã	26.776	5.000	24.972	Tiếp tục sử dụng
2	Ven mặt nước	0	-	91.380	Quy hoạch mới
3	Cửa ngõ phía Nam	0	-	26.488	
4	Ven đường song hành	0	-	36.556	
<b>F</b>	<b>Thương mại – dịch vụ</b>	<b>21.607</b>	<b>16.800</b>	<b>43.443</b>	
1	Chợ Quảng Thuận	5.961	1.500	5.064	Tiếp tục sử dụng
2	Hợp tác xã	4.024	-	1.242	
3	Cửa hàng xăng dầu Quảng Sơn	11.622	300	1.220	
4	Cửa hàng xăng dầu số 224	1.400	3.000	10.292	
5	Cửa hàng xăng dầu (đã có chủ trương)	0	500 – 1.000	2.112	Quy hoạch mới

Stt	Công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )			Ghi chú
		Hiện trạng	Tối thiểu	Quy hoạch	
6	Cửa hàng xăng dầu	0	3.000	6.519	
7	Trạm dừng chân + CHXD	0	8.000	16.994	

### 13. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

**Bảng 5. Thống kê quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn**

Stt	Loại đất	Năm 2023		Năm 2030		Năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>6.915,56</b>	<b>85,09</b>	<b>6.746,70</b>	<b>83,01</b>	<b>6.258,79</b>	<b>77,01</b>
1.1	Đất trồng trọt khác	4.141,79	50,96	3.741,71	46,04	3.073,80	37,82
1.2	Đất nông nghiệp khác	72,19	0,89	367,41	4,52	547,41	6,74
1.3	Đất trồng lúa	77,63	0,96	0	0	0	0
1.4	Đất rừng phòng hộ	1.533,03	18,86	1.526,86	18,79	1.526,86	18,79
1.5	Đất rừng sản xuất	1.082,73	13,32	1.102,53	13,57	1.102,53	13,57
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	8,19	0,10	8,19	0,10	8,19	0,10
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>584,03</b>	<b>7,19</b>	<b>1.099,64</b>	<b>13,53</b>	<b>1.587,55</b>	<b>19,53</b>
2.1	Đất ở	237,35	2,92	369,83	4,55	456,78	5,62
2.2	Đất công cộng	21,90	0,27	18,86	0,23	18,86	0,23
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	2,85	0,04	9,21	0,11	17,93	0,22
2.4	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	9,77	0,12	8,89	0,11	8,89	0,11
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	73,79	0,91	76,58	0,94	119,65	1,47
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	16,65	0,20	18,21	0,22	18,21	0,22
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	7,73	0,10	222,24	2,73	446,57	5,49
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	190,73	2,35	306,94	3,78	431,78	5,31
2.8.1	Đất giao thông	167,41	2,06	264,45	3,25	328,38	4,04
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0	19,17	0,24	19,17	0,24
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	23,32	0,29	23,32	0,29	84,23	1,04
2.9	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	20,79	0,26	63,62	0,78	63,62	0,78

Stt	Loại đất	Năm 2023		Năm 2030		Năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,00	0	2,39	0,03	2,39	0,03
2.11	Đất quốc phòng, an ninh	2,47	0,03	2,87	0,04	2,87	0,04
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>627,66</b>	<b>7,72</b>	<b>280,91</b>	<b>3,46</b>	<b>280,91</b>	<b>3,46</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước chuyên dùng	225,14	2,77	252,36	3,11	252,36	3,11
3.2	Đất cây xanh cách ly	0,00	0,00	28,55	0,35	28,55	0,35
3.3	Đất chưa sử dụng	402,52	4,95	0,00	0,00	0,00	0,00
<b>Tổng</b>		<b>8.127,25</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>8.127,25</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

## 14. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 14.1. Giao thông:

#### a) Đường bộ:

Hệ thống giao thông đối ngoại được cụ thể hóa từ các Quy hoạch cấp trên. Hệ thống giao thông đối nội được tổ chức trên cơ sở bám sát ý đồ tổ chức phân khu chức năng và không gian kiến trúc cảnh quan, kết nối và giải quyết tối ưu nhu cầu lưu thông và tiếp cận các khu chức năng trong địa bàn xã.

**Bảng 6. Tổng hợp mạng lưới giao thông**

Stt	Tên đường	Chiều dài (km)	Lộ giới (m)
<b>A</b>	<b>Giao thông đối ngoại (11 tuyến)</b>	<b>39,65</b>	
1	Quốc lộ 27	6,65	37 - 54
2	Đường tỉnh 707B	1,61	25
3	Đường tỉnh 707D	6,97	54
4	Đường tỉnh 708	3,51	25
5	Đường tỉnh 709	1,78	25
6	Đường tỉnh 709D	6,03	37
7	Đường huyện 01	0,6	25
8	Đường huyện 33	4,47	37
9	Đường huyện 34	2,52	15
10	Đường huyện 38	5,00	37
11	Đường huyện 39	1,11	25
<b>B</b>	<b>Giao thông đối nội (79 tuyến)</b>	<b>91,31</b>	
1	Đường xã (13 tuyến)	36,17	16 - 29
2	Đường thôn (16 tuyến)	16,47	13 - 18

Stt	Tên đường	Chiều dài (km)	Lộ giới (m)
3	Đường xóm (39 tuyến)	23	7
4	Đường nội đồng (11 tuyến)	15,67	6 - 14

### **b) Đường sắt:**

Trên địa bàn xã có tuyến đường sắt răng cưa Phan Rang – Trại Mát được dự kiến khôi phục: là sản phẩm du lịch mới mẻ, hấp dẫn, được hy vọng sẽ trở thành điểm nhấn của du lịch Ninh Thuận và Lâm Đồng.

### **14.2. Cấp nước:**

- Hệ thống cấp nước cho toàn xã được lấy từ nhà máy nước Ninh Sơn, có hệ thống ống chạy dọc tuyến Quốc lộ 27 và các trục đường trong khu dân cư tập trung.

- Tổng công suất cấp nước:

+ Công suất cấp nước tính đến năm 2030: 2.149 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Công suất cấp nước tính đến năm 2035: 3.218 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Quy hoạch mới nhà máy nước Ninh Sơn tại khu vực gần sông Cái, nhà máy thủy điện Sông Ông với quy mô khoảng 2 ha, công suất dự kiến đạt 20.000m<sup>3</sup>/ ngày.đêm.

### **14.3. Cấp điện:**

Nguồn điện được cấp từ lưới điện quốc gia thông qua trạm 110/22KV Ninh Sơn công suất 2x40MVA. Trực tiếp cấp điện cho xã là tuyến 22KV Ninh Sơn chạy dọc theo Quốc lộ 27.

### **14.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Tiêu chuẩn thoát nước thải bằng 80% tiêu chuẩn nước cấp.

- Quy hoạch mới trạm xử lý nước thải Tân Sơn tại khu vực gần sông Cái, tiếp giáp đường N6 với quy mô khoảng 3,75 ha.

- Đối với nước thải sinh hoạt của hộ dân ở trung tâm xã và các điểm dân cư, nước thải sẽ được xử lý cục bộ tại các hộ gia đình bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải và dẫn về trạm xử lý.

- Đối với nước thải sinh hoạt của các hộ dân nằm ngoài trung tâm xã và điểm dân cư do nhà ở hộ dân nằm rải rác nên nước thải sẽ được xử lý cục bộ tại các hộ gia đình bằng bể tự hoại 3 ngăn kết hợp với bể thấm. Nước thải đã qua xử lý bằng bể tự hoại sẽ thoát ra bể tự thấm và thấm xuống đất.

- Nước thải của cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nước thải sản xuất phải được xử lý đạt quy chuẩn thải 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra nguồn tiếp

nhận. Do đó các cụm công nghiệp, khu tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải nội bộ.

#### **14.5. Quản lý chất thải rắn (CTR):**

- Khuyến khích người dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn. Rác thải vô cơ để thu hồi tái chế, rác thải hữu cơ thu gom đến khu xử lý tập trung.

- Quy hoạch mới khu xử lý rác thải quy mô khoảng 20ha, phục vụ huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái.

#### **14.6. Nghĩa trang:**

- Nghĩa trang Thạch Hà, La Vang, Triệu Phong, Hạnh Trí, Lương Giang: giữ nguyên vị trí hiện hữu.

- Nghĩa trang huyện Ninh Sơn: quy mô 100,88 ha. Trong đó diện tích thuộc địa bàn xã Quảng Sơn là 66,94 ha.

#### **14.7. Quy hoạch cao độ nền:**

- Tận dụng địa hình tự nhiên, điều kiện hiện trạng xây dựng tối đa (hồ, suối), đảm bảo thoát nước mặt tốt và giao thông an toàn, thuận tiện.

- Tôn trọng tuyệt đối các tuyến kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện có.

- Khu vực cải tạo xây dựng: khi xây dựng trong các thôn tôn trọng cao độ nền hiện trạng, bảo đảm hài hòa với khu vực đã xây dựng, chỉ san ủi cục bộ khi hình thành các tuyến giao thông nội bộ, tạo độ dốc hợp lý để giao thông và thoát nước mặt hợp lý. Cao độ nền tuyến liên xã giữ nguyên hiện trạng.

- Khu vực xây mới: Quỹ đất phát triển xây dựng trên các gò đồi thoải, không bị ngập úng, dự kiến san cục bộ công trình, nhằm thoát nước tốt, giữ ổn định nền, hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

### **15. Các chương trình, dự án dự kiến đầu tư:**

**Bảng 7. Thống kê các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã**

TT	Tên dự án	Quy mô	Giá trị (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	Nguồn vốn
<b>A</b>	<b>Nông nghiệp</b>				
1	Vùng sản xuất mía đường ứng dụng công nghệ cao	380 ha	260,0	2021-2030	Các TPKT



<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>	<b>Phân kỳ đầu tư</b>	<b>Nguồn vốn</b>
<b>B</b>	<b>Giao thông</b>				
1	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ QL27 đến cuối khu dân cư thôn Thạch Hà 2		3,7	2021-2025	Ngân sách
2	Bê tông hóa tuyến đường từ QL27 đến cuối dân cư thôn Triệu Phong 1		1,6	2021-2025	Ngân sách
3	Bê tông hóa tuyến đường liên thôn La Vang 1 và La Vang 2		1,5	2021-2025	Ngân sách
4	Bê tông hóa tuyến đường từ QL27 đến thủy điện sông Ông		1,6	2021-2025	Ngân sách
5	Đường giao thông thôn Thạch Hà 2 - Triệu Phong 2		1,5	2021-2025	Ngân sách
6	Bê tông hóa tuyến đường từ QL27 đến cuối khu dân cư thôn La Vang 1		1,6	2021-2025	Ngân sách
7	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Trần Thị Dưỡng đến cuối khu dân cư La Vang 1		1,24	2021-2025	Ngân sách
8	Bê tông hóa tuyến đường từ QL27 đến cuối khu dân cư thôn La Vang 2		0,9	2021-2025	Ngân sách
9	Bê tông hóa tuyến đường từ QL27 đến cuối khu dân cư thôn Triệu Phong 2		1,4	2021-2025	Ngân sách
10	Nâng cấp tuyến đường từ QL27 đến cuối khu dân cư La Vang 1 (tuyến nhà ông Võ Viết Hoàng)		2,08	2021-2025	Ngân sách
11	Nâng cấp đường giao thông Thạch Hà 1 đến Triệu Phong 2		2,25	2021-2025	Ngân sách
12	Nâng cấp tuyến đường từ QL27 đến cuối khu dân cư La Vang 1 (tuyến nhà ông Trần Châu)		2,5	2021-2025	Ngân sách
<b>C</b>	<b>Thủy lợi - Cấp thoát nước</b>				
1	Hồ Quảng Sơn	11 km <sup>2</sup>	280,0	2021 - 2025	NSTW + ODA

TT	Tên dự án	Quy mô	Giá trị (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	Nguồn vốn
2	Nhà máy nước Ninh Sơn	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ	88,6	2021 - 2025	Vốn xã hội hóa
<b>D</b>	<b>Chất thải rắn</b>				
1	Khu xử lý chất thải rắn liên huyện Ninh Sơn – Bắc Ái	20 ha	64,0	2021 - 2025	Vốn xã hội hóa
<b>E</b>	<b>Giáo dục</b>				
	Nâng cấp cải tạo trường THPT Nguyễn Du	6 phòng	4,0	2021 - 2025	Vốn ngân sách
	Trường Tiểu học Quảng Sơn C	8 phòng	5,6	2021 - 2025	Vốn ngân sách
<b>F</b>	<b>Trụ sở cơ quan</b>				
	Xây dựng trụ sở làm việc của Công an xã	0,46 ha	2,5	2021 - 2025	Vốn ngân sách
<b>G</b>	<b>Du lịch</b>				
1	Khu du lịch sông Ông suối Thương	192,63	401,31	2026-2030	Ngoài ngân sách
2	Khu du lịch Thác Tiên	15,15	64,92	2026-2030	Ngoài ngân sách

## 16. Hồ sơ và chất lượng sản phẩm:

Thành phần hồ sơ và chất lượng hồ sơ đồ án quy hoạch đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

## 17. Dự toán kinh phí:

- Kinh phí lập đồ án quy hoạch được xác định theo định mức chi phí tại Theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện: **450.429.000 đồng**. (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng)

(Đính kèm bảng tổng hợp kinh phí lập đồ án quy hoạch của Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định)

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, để toàn thể nhân dân được biết và thực hiện.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng nội dung tại Điều 1 của Quyết định này và theo các quy định hiện hành của nhà nước, của các Bộ ngành liên quan về quản lý quy hoạch xây dựng.

- Gửi kèm Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch cùng với 01 bộ bản vẽ và thuyết minh đồ án quy hoạch, đĩa CD (có nội dung Bản vẽ, thuyết minh) đến UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn để lưu và phối hợp triển khai thực hiện đồ án quy hoạch sau này được thuận lợi.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng, Giám đốc kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn; Công ty TNHH Quản lý xây dựng và Đô thị miền Nam và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Chủ đầu tư (03 bộ);
- Trang thông tin điện tử huyện Ninh Sơn;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Kiều Tấn Thịnh**